



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MÁY GIẶT F 7212X



Exclusive
Marketing & Distribution

Care 1900 55 88 85

www.fagor.com.vn

HANOI
Villa B24, Trung Hoa - Nhan Chinh, Thanh Xuan
District
ph : [84-4] 3726 0276 f: [84-4] 3846 5705

HCMC
307H Nguyen Van Troi Street, Ward 1,
Tan Binh District
ph : [84-8] 3844 9665 f: [84-8] 3997

DA NANG
125 Dien Bien Phu Street, Chinh Gian Ward,
Thanh Khe District
ph : [84-511] 3645144 - 3645145 f: [84-511]
3645146

Thiết bị chỉ sử dụng gia dụng và được thiết kế để giặt quần áo.
Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi lắp đặt và sử dụng máy.










0. NHẬN DẠNG

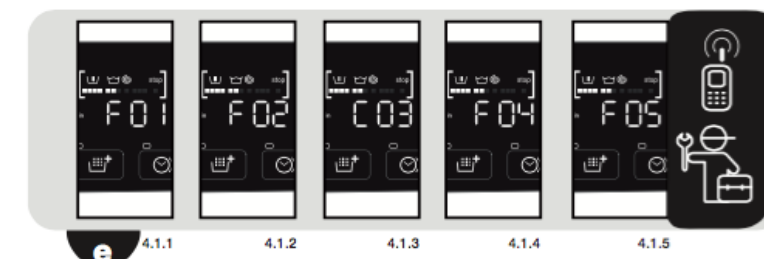
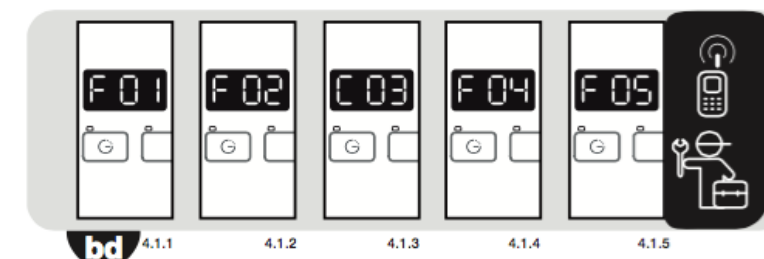
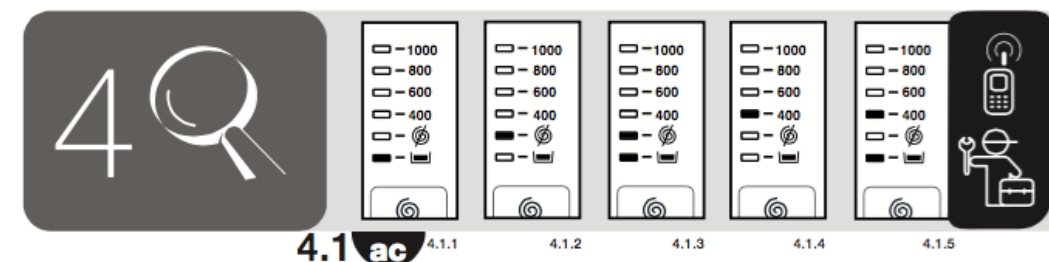
Nhận dạng máy giặt theo Model (“a”, “b”, “c”, “d” hoặc “e”) bằng cách so sánh bảng điều khiển với hình minh họa.

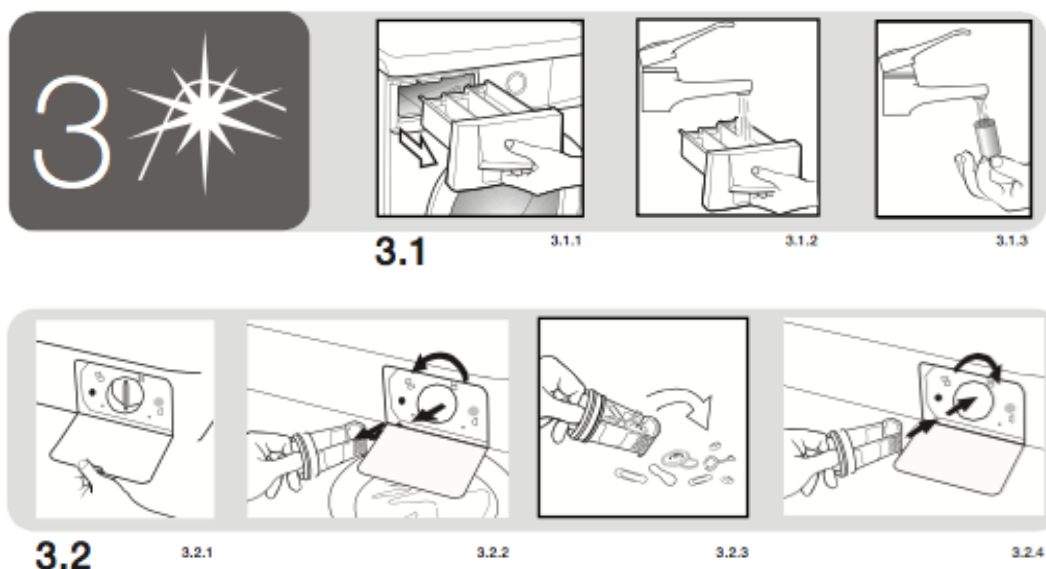
1. LẮP ĐẶT

- 1.1 Tháo bao bì** (1.1.1, 1.1.2, 1.1.3). Tháo tất cả các chốt, các thành phần gắn, khoá được sử dụng cho quá trình vận chuyển.
- 1.2 Kết nối với nguồn nước** (1.2.1, 1.2.2, 1.2.3) Nếu máy giặt có nguồn nước nóng vào, kết nối ống với đầu nối để dẫn nước nóng vào (1.2.4) Luôn sử dụng ống mới được kèm theo, tháo ra bất kỳ ống đã sử dụng trước đó.
- 1.3 Thoát nước.** Đặt ống ở lỗ thoát phù hợp với kích thước như trong hình minh họa.
- 1.4 Cân chỉnh.** Cân chỉnh máy giặt để tránh tiếng ồn hoặc dịch chuyển. Khuyến cáo tiến trình như sau:
1. Định vị chân sau và ổn định vị trí (1.4.1)
 2. Đặt máy giặt ở vị trí cuối cùng (1.4.2)
 3. Định vị chân trước và ổn định vị trí (1.4.3).
- 1.5 Kết nối điện.** Tham khảo dữ liệu về điện ở bảng tham khảo (1.5)
- 1.6 Lắp đặt dưới bàn thao tác.** Nếu cần tháo bàn thao tác để gắn âm máy giặt, liên lạc với Đại lý hoặc dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật.
Gắn âm máy giặt, dây cắm điện có thể tiếp cận được sau khi lắp đặt.
Kích thước gắn âm là 600 x 600 x 850 mm.

2. THAO TÁC

- 2.1 Mở cửa.** Mở cửa trước.
- 2.2 Chất tẩy và phụ gia.** Phân loại đồ giặt theo màu, độ bẩn và loại vải trước khi cho vào máy giặt. Ngăn kéo đựng chất tẩy có các ngăn sau: giặt , giặt trước  và chất làm mềm vải  (2.2.1).
Tất cả máy giặt được thiết kế sử dụng bột giặt (2.2.2). Nếu muốn sử dụng chất tẩy dạng lỏng (2.2.3), bạn sẽ thấy chốt xanh cho mục đích này trong ngăn giặt (2.2.4). Kéo ra càng nhiều càng tốt, rồi tháo ra. Nó sẽ ở vị trí dọc (2.2.5), điều này tránh cho chất tẩy lỏng thoát ra. Để sử dụng lại bột giặt, đặt lại chốt xanh theo vị trí nằm ngang và đẩy nó trở lại càng sâu càng tốt để mở nắp.
Lưu ý: Không châm quá mức MAX đánh dấu trên ngăn đựng chất làm mềm vải.
- 2.3 Bật máy giặt và chọn chương trình.** Chọn chương trình bằng cách sử dụng nút xoay, sau khi tham khảo bảng chương trình.
- 2.4 Chọn tốc độ vắt.** Có thể chọn tốc độ vắt khô hoặc huỷ vắt khô  (2.4.1, 2.4.2) Nếu chọn chống nhăn  (2.4.3) qui trình giặt sẽ dừng trước khi chu kỳ vắt cuối cùng và quần áo sẽ vẫn còn ngập trong nước. Nhấn  để vắt khô lần cuối.
- 2.5 Các chức năng phụ.** Dễ ủi , xả thêm  và chương trình giặt nhanh . Chương trình giặt nhanh rút ngắn thời gian giặt với quần áo bằng vải tổng hợp và cotton.





* Model “a” và “c” – Nhấn một lần để giảm thời gian giặt.
 * Model “b”, “d” và “e” – Nhấn nút giảm thời gian giặt 3 lần để giảm độ dài chương trình giặt được chọn. Thời gian chương trình giặt giảm sẽ hiển thị trên màn hình.

2.6 Trì hoãn thời gian . Sẽ trì hoãn khởi động giặt.

2.7 Khởi động hoặc dừng .

2.8 Khóa . Nhấn nút này trong 3 giây để kích hoạt khoá trẻ em. Nó sẽ được huỷ bằng cách nhấn nút này trở lại trong 3 giây.

2.9 Qui trình giặt. Có thể kiểm tra qui trình giặt. Thời gian giặt còn lại có thể được xem với model “b”, “d” và “e”.

Khuyến cáo sử dụng: Khi lắp đặt máy giặt, chạy chương trình giặt sơ bộ và kiểm tra chức năng (Chương trình giặt cơ bản, không tải và ở 90°C. Sử dụng bao giặt đối với các vật dụng nhỏ như khăn tay, đồ lót.

Lưu ý:

1. Nếu dừng máy giặt bằng cách nhấn để thêm đồ vào, bảo đảm rằng mực nước phải thấp hơn mức cửa mở.
2. Các chức năng phụ (và) sẽ tăng thời gian giặt.
3. Khi chương trình giặt kết thúc, khuyến cáo để cửa mở để thông gió bên trong máy giặt. Phải đợi 2 phút trước khi mở cửa. Với model “a”, “b”, “c” và “d”, bảo đảm rằng đèn báo STOP nhấp nháy. Với model “e”, đợi ký hiệu tắt.

3. BẢO TRÌ

3.1 Vệ sinh ngăn đựng chất tẩy. Thực hiện mỗi tháng một lần.

3.2 Vệ sinh bộ lọc. Thực hiện mỗi năm một lần.

Vệ sinh bên ngoài máy giặt, sử dụng chất tẩy rửa không có tính ăn mòn và lau khô bằng vải mềm.

4. XỬ LÝ SỰ CỐ

4.1 Máy giặt có hệ thống phát hiện sự cố và cảnh báo bất kỳ điều gì không bình thường. Có thể quan sát cảnh báo trên màn hình, hoặc đèn báo nhấp nháy trên bảng điều khiển.

4.1.1. Không có nước chảy vào máy giặt. Kiểm tra nguồn nước và vòi dẫn nước hoặc vệ sinh bộ lọc dẫn nước.

4.1.2. Không thoát nước hoặc quay. Kiểm tra tình trạng bộ lọc.

4.1.3. Không xoay. Bố trí lại đồ giặt và chọn sấy khô trở lại.

4.1.4. Không khởi động. Kiểm tra cửa có đóng đúng chưa.

4.1.5. Có mã code hiển thị. Thông báo cho dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật.

4.2 Rung và tiếng ồn. Kiểm tra thiết bị có lắp đặt đúng không (1.1 và 1.4).


4.3 Nước vẫn còn trong khoang. Kiểm tra ngăn đựng chất tẩy có sạch không (3.1)

5. AN TOÀN

- Áp lực nước nên ở khoảng 0.05 và 1Mpa (0.5 đến 10 kg/cm²).
- Không được nối dài dây điện hoặc phích cắm biến điện để kết nối máy.
- Kết nối điện không vượt quá điện áp thể trên bảng tham chiếu điện thế và kết nối phải thực hiện nối tiếp đất.
- Nếu dây điện bị hỏng thì phải được thay thế bởi dịch vụ hậu mãi hoặc những người có chuyên môn để tránh nguy hiểm.
- Không can thiệp vào bên trong máy. Trường hợp có vấn đề không tự giải quyết được, hãy gọi dịch vụ hậu mãi.
- Thiết bị có thể được sử dụng bởi trẻ em từ 8 tuổi trở lên và người có khuyết tật về thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức nếu được giám sát và hướng dẫn liên quan đến thiết bị một cách an toàn và hiểu những nguy hiểm có thể xảy ra. Trẻ em không được đùa với thiết bị. Vệ sinh và bảo trì không nên được thực hiện bởi trẻ con mà không có sự giám sát.

6. MÔI TRƯỜNG

Máy giặt được thiết kế với ý thức bảo vệ môi trường.

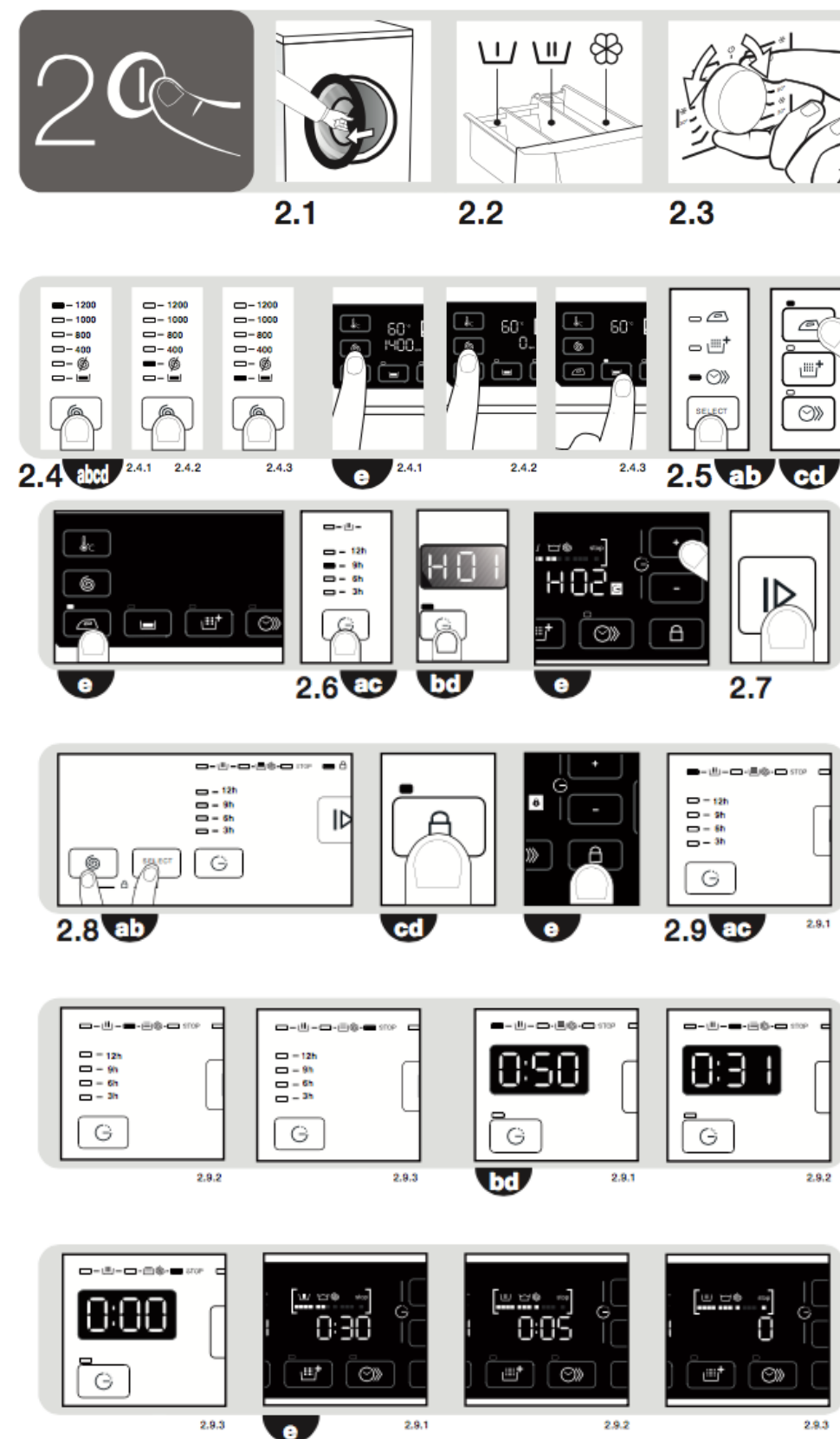
Hãy bảo vệ môi trường. Cho đồ giặt vào máy theo sức chứa tối đa được khuyến cáo cho mỗi chương trình: giúp tiết kiệm nước và điện. Tránh sử dụng chức năng giặt trước. Không sử dụng quá nhiều chất tẩy. Sử dụng chức năng xả thêm  đối với quần áo của những người có da nhạy cảm.

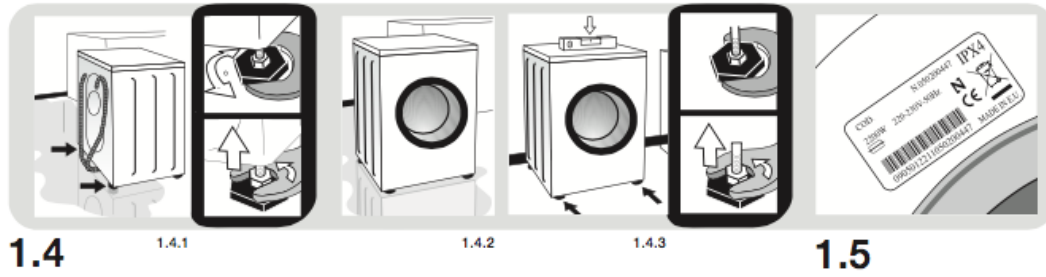
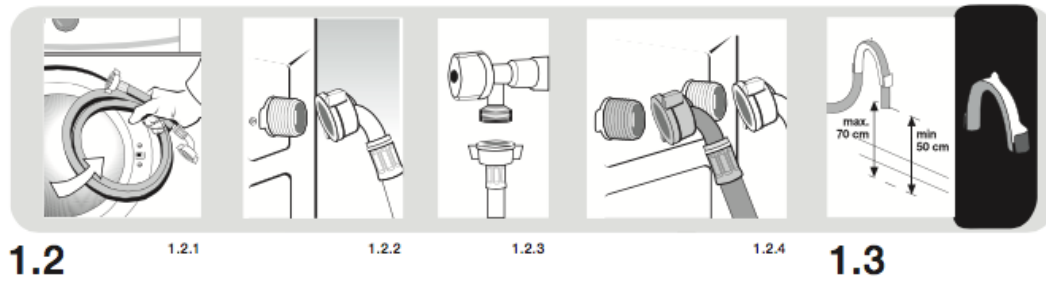
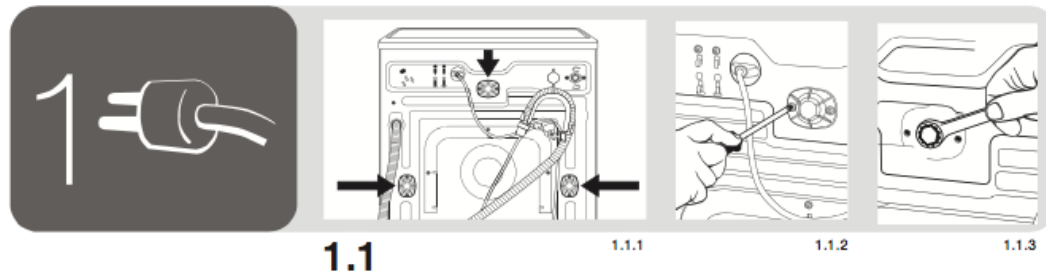
Độ sáng tối của màn hình. Màn hình sẽ mờ sau 20 phút để tiết kiệm năng lượng. Để kích hoạt màn hình, nhấn bất kỳ nút nào hoặc xoay núm vặn.

Quản lý thiết bị điện và điện tử.

Không xem thiết bị như rác thải gia dụng thông thường. Hãy đem thiết bị đến các trung tâm thu hồi đặc biệt.

Tái sử dụng thiết bị gia dụng để tránh những hệ quả tiêu cực với sức khỏe và môi trường và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.



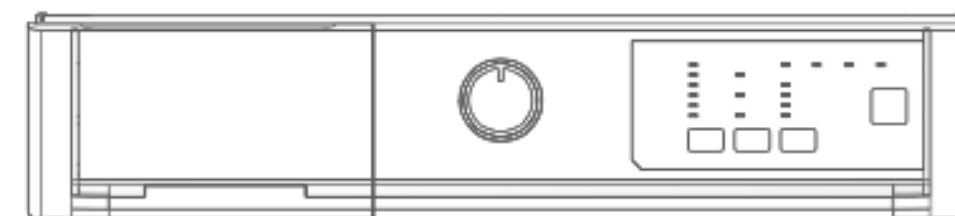


BẢNG CHƯƠNG TRÌNH

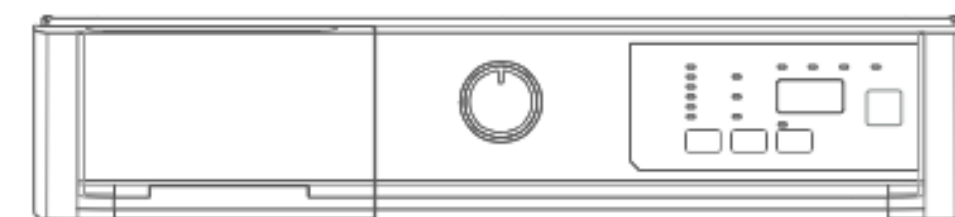
Chương trình	Độ bẩn	Công suất (Kg)	Tiêu thụ Kwh/L		Tiêu thụ Kwh/L	
			6 kg	🕒	7 kg	🕒
1. Cotton – giặt lạnh	Rất ít	6/7	0.10/49	90	0.10/58	110
2. Cotton 30°C	Ít	6/7	0.40/49	124	0.45/58	112
3. Cotton 40°C	Trung bình	6/7	0.55/49	145	0.61/58	127
4. Cotton 60°C	Trung bình	6/7	0.85/49	146	1.2/58	148
5. Cotton 90°C	Nhiều	6/7	1.90/55	135	2.15/60	125
6. Tổng hợp – giặt lạnh	Rất ít	3	0.10/55	74	0.10/55	74
7. Tổng hợp 30°C	Ít	3	0.30/55	75	0.30/55	75
8. Tổng hợp 40°C	Ít	3	0.60/55	76	0.60/55	76
9. Tổng hợp 60°C	Trung bình	3	1.00/55	90	0.95/55	90
10. Giặt trước	Nhiều	6/7	1.45/60	130	1.45/65	125
11. Sấy khô		6/7	0.05/0	10	0.05/0	10
12. Xả		6/7	0.05/30	23	0.05/30	23
13. Màng/len 30°C	Ít	1 – 2	0.50/60	35	0.50/60	35
14. Màng/len-giặt lạnh	Rất ít	1 – 2	0.50/60	30	0.50/60	30
15. Giặt nhanh 30'	Ít	3	0.20/30	30	0.20/30	30
16. Giặt tốc hành 15'	Rất ít	1 – 2	0.05/22	15	0.05/22	15
17. Các loại 45'	Ít	3	0.60/40	45	0.60/40	45

BẢNG CHƯƠNG TRÌNH

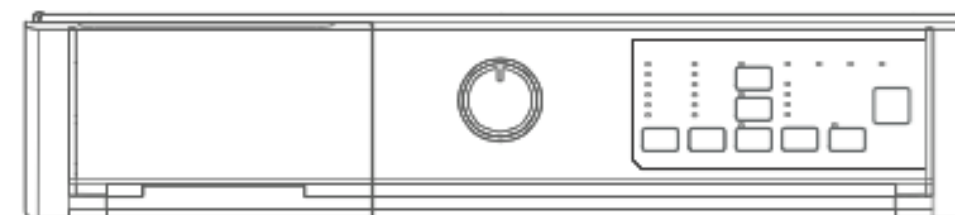
Chương trình	Nhiệt độ	Công suất (Kg)	Tiêu thụ Kwh/L		Tiêu thụ Kwh/L	
			6 kg	🕒	7 kg	🕒
1. Cotton	Lạnh, 30°C, 50°C, 90°C	6/7	0.10 -1.90/49-55	90 - 135	0.10- 2.15/58-60	110- 125
	60°C	6/7	0.85/49	146	1.02/58	148
	40°C	6/7	0.55/49	145	0.61/58	127
2. Tổng hợp	Lạnh, 30°C, 40°C, 50°C, 60°C	3	30.10-1.00/55	74-90	0.10-0.95/55	74-90
3. Mỏng	Lạnh, 30°C, 40°C	3	3 0.10-0.55/40	50-60	0.10-0.60/40	50-60
4. Len	Lạnh, 30°C, 40°C	1	0.05/60	30-40	0.05/60	30-40
5. Giặt tay	Lạnh	1	0.05/60	30	0.05/60	30
6. Xả		6/7	0.05/30	23	0.05/30	23
7. Sấy khô		6/7	0.05/0	10	0.05/0	10
8. Chặn màn	30°C	3	0.30/55	75	0.30/55	75
9. Giặt trước	60°C	6/7	1.45/60	130	1.45/65	125
10. Đồ thể thao	Lạnh, 30°C, 40°C	3	0.10-0.55/40	71-85	0.10-0.55/40	71-85
11. Sơ mi	Lạnh, 30°C, 40°C	1	0.10-0.60/55	74-76	0.10-0.60/55	74-76
12. Đồ sẫm màu	Lạnh, 30°C, 40°C	3	0.10-0.60/68	82-84	0.10-0.60/68	82-84
13. Nhanh 30'	30°C	3	0.20/30	30	0.20/30	30
14. Giặt tốc hành	Lạnh	1	0.05/22	15	0.05/22	15
15. Các loại 45'	40°C	3	0.60/40	45		45



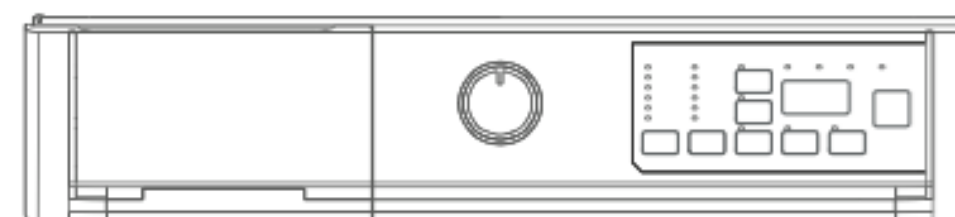
a



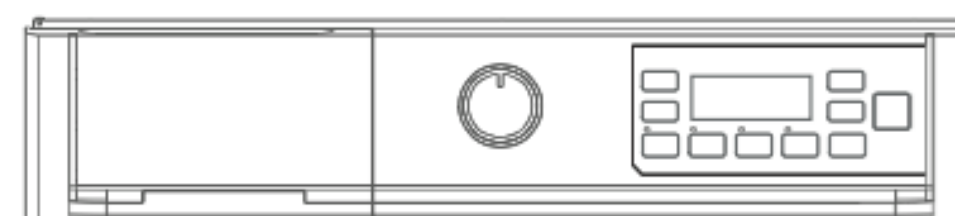
b



c



d



e